

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠ HUOAI  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST  
Ngày: 03-8-2021  
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Xuân Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Dũng

Bà Đỗ Hà Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Quyên là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST–DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH T

Địa chỉ trụ sở: Khu tái định cư A, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1987, địa chỉ: Số A, P, tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, chức vụ: Nhân viên Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 3 năm 2021 của ông Lê Vĩnh P – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T), (bà H có mặt tại phiên tòa).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 16 tháng 10 năm 2020 và đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH T là bà Phạm Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Văn Th là khách hàng của Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ (Nhà máy tôn – xà gồ Đ), từ ngày 30 tháng 3 năm 2019 đến ngày 13 tháng 8 năm 2019 ông Nguyễn Văn Th có mua tôn và sắt của Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ với tổng số tiền nợ quá hạn là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), khi ông Nguyễn Văn Th mua tôn và sắt của Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ (Nhà máy tôn – xà gồ Đ) thì có 16 phiếu bán hàng trong đó 14 phiếu bán hàng có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th. Ngày 19/4/2020 Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ và ông Nguyễn Văn Th ký biên bản xác nhận công nợ thì đến ngày 19/4/2020 ông Nguyễn Văn Th còn nợ Công ty TNHH T – tại Đ số tiền 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông Th cam kết sẽ thanh toán đủ nợ vào ngày 05/5/2020, sẽ thanh toán trước 5.000.000đ hàng tháng vào đúng ngày mùng 5 sẽ thanh toán 5.000.000đ trừ dần đến khi hết nợ. Đến hạn trả nợ ông Th vẫn không trả nợ. Ngày 24/9/2020 Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ và ông Nguyễn Văn Th tiếp tục ký biên bản xác nhận công nợ thì đến ngày 24/9/2020 ông Nguyễn Văn Th còn nợ Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ số tiền 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông Th cam kết sẽ thanh toán đủ vào ngày 15/10/2020. Đồng thời tại mặt sau của biên bản xác nhận công nợ ngày 24/9/2020 thì ông Th tự viết bản cam kết và ký xác nhận với nội dung ông Th sẽ thanh toán cho công ty ngày 15 hàng tháng với số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến thanh toán đủ số tiền nợ bắt đầu tính từ ngày 15/10/2020 tính đi, nội dung này ông Th tự cam kết, nội dung cam kết này do ông Th tự cam kết Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ không đồng ý ký xác nhận nội dung cam kết này vì ông Th cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không trả nợ.

Nay Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Th phải thanh toán tiền mua tôn và sắt còn nợ là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) cho Công ty TNHH T. Công ty TNHH T không yêu cầu gì khác.

Ngoài ra bà Phạm Thị H không yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không có lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn Th.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hoà giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành

nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn Công ty TNHH T chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn Th chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau căn cứ Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T, buộc ông Nguyễn Văn Th phải trả cho Công ty TNHH T số tiền là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), bị đơn ông Nguyễn Văn Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát kiến nghị việc xử lý đơn khởi kiện chưa tuân thủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Th có nơi cư trú tại Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phải thanh toán số tiền mua tôn và sắt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Theo biên bản xác minh ngày 17/6/2021 của Tòa án tại Công an xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng, hiện nay không có mặt tại địa phương. Tại 16 phiếu bán hàng trong đó 14 phiếu bán hàng có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th và 02 biên bản xác nhận công nợ các ngày 19/4/2020, ngày 24/9/2020 có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th thì ông Nguyễn Văn Th đã cung cấp địa chỉ cho Công ty TNHH T địa chỉ cư trú của ông Nguyễn Văn Th là Thôn A – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng và Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các phương thức tổng đạt quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập để làm việc, triệu tập đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa cho bị đơn tuy nhiên bị đơn ông Th không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngoài ra bị đơn ông Th cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án theo đúng Th gian triệu tập, không gửi văn bản có ghi ý kiến cho Tòa án. Bị đơn ông Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Th là

đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T thì thấy rằng:

Đối với bản chính 16 phiếu bán hàng trong đó 14 phiếu bán hàng có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th và 02 bản chính biên bản xác nhận công nợ các ngày 19/4/2020, ngày 24/9/2020 có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th về tài sản mua bán, số tiền nợ, Th hạn trả nợ là phù hợp với các quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Theo bản chính 16 phiếu bán hàng trong đó 14 phiếu bán hàng có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th và 02 bản chính biên bản xác nhận công nợ các ngày 19/4/2020, ngày 24/9/2020 mà nguyên đơn cung cấp thì từ ngày 30 tháng 3 năm 2019 đến ngày 13 tháng 8 năm 2019 ông Nguyễn Văn Th có mua tôn và sắt của Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ với tổng số tiền nợ quá hạn là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Ngày 19/4/2020 Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ và ông Nguyễn Văn Th ký biên bản xác nhận công nợ thì đến ngày 19/4/2020 ông Nguyễn Văn Th còn nợ Công ty TNHH T – tại Đ số tiền 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông Th cam kết sẽ thanh toán đủ nợ vào ngày 05/5/2020, sẽ thanh toán trước 5.000.000đ hàng tháng vào đúng ngày mùng 5 sẽ thanh toán 5.000.000đ trừ dần đến khi hết nợ. Ngày 24/9/2020 Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ và ông Nguyễn Văn Th tiếp tục ký biên bản xác nhận công nợ thì đến ngày 24/9/2020 ông Nguyễn Văn Th còn nợ Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ số tiền 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông Th cam kết sẽ thanh toán đủ vào ngày 15/10/2020. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn Th thì ngay từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Th vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa mà không có lý do, ông Th cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung vụ án thể hiện việc từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và ý chí để mặc hậu quả xảy ra. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo trình bày của đại diện nguyên đơn thì từ ngày 30 tháng 3 năm 2019 đến ngày 13 tháng 8 năm 2019 ông Nguyễn Văn Th có mua tôn và sắt của Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ với tổng số tiền nợ quá hạn là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Ngày 19/4/2020 Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ và ông Nguyễn Văn Th ký biên bản xác nhận công nợ thì đến ngày 19/4/2020 ông Nguyễn Văn Th còn nợ Công ty TNHH T – tại Đ số tiền 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông Th cam kết sẽ thanh toán đủ nợ vào ngày 05/5/2020, sẽ thanh toán trước 5.000.000đ hàng tháng vào đúng ngày mùng 5 sẽ thanh toán 5.000.000đ trừ dần đến khi hết nợ. Ngày 24/9/2020 Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ và ông Nguyễn Văn Th tiếp tục ký biên bản xác nhận công nợ thì đến ngày 24/9/2020

ông Nguyễn Văn Th còn nợ Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ số tiền 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông Th cam kết sẽ thanh toán đủ vào ngày 15/10/2020. Đồng thời tại mặt sau của biên bản xác nhận công nợ ngày 24/9/2020 thì ông Th tự viết bản cam kết và ký xác nhận với nội dung ông Th sẽ thanh toán cho công ty ngày 15 hàng tháng với số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến thanh toán đủ số tiền nợ bắt đầu tính từ ngày 15/10/2020 tính đi, nội dung này ông Th tự cam kết, nội dung cam kết này do ông Th tự cam kết Chi nhánh Công ty TNHH T – tại Đ không đồng ý ký xác nhận nội dung cam kết này vì ông Th cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không trả nợ. Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Th phải thanh toán tiền mua tôn và sắt còn nợ là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) cho Công ty TNHH T. Công ty TNHH T không yêu cầu gì khác.

Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T cần buộc ông Nguyễn Văn Th phải thanh toán tiền mua tôn và sắt còn nợ số tiền là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) cho Công ty TNHH T là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH T được chấp nhận toàn bộ nên Công ty TNHH T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) x 5% = 5.587.750đ (năm triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng) là đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải thanh toán tiền mua tôn và sắt còn nợ cho Công ty TNHH T số tiền là 111.755.000đ (một trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 5.587.750đ (năm triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Công ty TNHH T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Công ty TNHH T đã nộp là 2.793.875đ (hai triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018289 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong Th hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 03/8/2021). Đối với các đương sự vắng mặt thì Th hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Th hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
ĐÃ KÝ**

**Đinh Xuân Trường**